



BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

Tầng 5 Tòa nhà Viglacera, Số 1 Láng Hòa Lạc, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 285 3388 Fax: (04) 285 3366 Web: www.mic.vn

QUY TẮC BẢO HIỂM MÔ TÔ - XE MÁY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2007/QĐ-MIC ngày 24 tháng 10 năm 2007
của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội)*

Trên cơ sở người được bảo hiểm đã nộp đủ phí bảo hiểm theo quy định, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (gọi tắt là MIC) nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới theo quy định của Nhà nước và các loại hình bảo hiểm khác theo các điều kiện, điều khoản quy định trong Quy tắc bảo hiểm này.

Phần I QUY TẮC BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chủ xe cơ giới (kể cả chủ xe là người nước ngoài) sử dụng xe cơ giới trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

2. Chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới trong Quy tắc này bao gồm:

- Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do xe cơ giới gây ra thiệt hại về người và/hoặc tài sản đối với người thứ ba.

- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới đối với thiệt hại về thân thể và tính mạng của hành khách theo hợp đồng vận chuyển hành khách.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy tắc này, các khái niệm dưới đây được hiểu như sau:

1. Bên thứ ba: Là những người bị thiệt hại về thân thể và/hoặc tài sản do việc sử dụng xe cơ giới gây ra, trừ những người sau:

- Lái xe, phụ xe trên chính chiếc xe đó;

- Người trên xe và hành khách trên chính chiếc xe đó;

- Chủ sở hữu xe trừ trường hợp chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng chiếc xe đó.

2. Hành khách: Là những người được chở trên xe theo hợp đồng vận chuyển hành khách thuộc các hình thức quy định trong Bộ Luật dân sự.

3. Mức trách nhiệm bảo hiểm: Là số tiền tối đa mà doanh nghiệp bảo hiểm có thể phải trả cho thiệt hại về người và/hoặc tài sản trong mỗi vụ tai nạn xảy ra thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.

4. Hành động cố ý gây thiệt hại: Là trường hợp một người nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây thiệt hại cho người khác mà vẫn thực hiện và mong muốn hoặc không mong muốn, nhưng để mặc cho thiệt hại xảy ra.

Điều 3. Hợp đồng bảo hiểm

Giấy chứng nhận bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm cấp cho người được bảo hiểm là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự giữa chủ xe cơ giới và doanh nghiệp bảo hiểm. Nội dung chính của Giấy chứng nhận bảo hiểm được quy định tại *Phụ lục 1 – Nội dung Giấy chứng nhận bảo hiểm* ban hành kèm theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 4. Phí bảo hiểm và mức trách nhiệm bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm và chủ xe cơ giới có trách nhiệm thực hiện bảo hiểm theo Biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Doanh nghiệp bảo hiểm và chủ xe cơ giới có thể thỏa thuận bảo hiểm theo biểu phí và mức trách nhiệm cao hơn hoặc phạm vi rủi ro bảo hiểm rộng hơn Quy tắc bảo hiểm, Biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 5. Thời hạn và hiệu lực bảo hiểm

1. Thời hạn bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới tối thiểu là một (01) năm.

2. Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc theo quy định ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm khi chủ xe cơ giới đã đóng đủ phí bảo hiểm (trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản).

3. Trong thời hạn còn hiệu lực ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe mà chủ xe cơ giới không có yêu cầu hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm thì mọi quyền lợi bảo hiểm liên quan đến trách nhiệm dân sự của chủ xe vẫn còn hiệu lực đối với chủ xe cơ giới mới.

Điều 6. Hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm

Trường hợp có yêu cầu hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm, chủ xe cơ giới phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm biết trước mười lăm (15) ngày. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo hủy bỏ, nếu doanh

nghiệp bảo hiểm không có ý kiến thì hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên được hủy bỏ, doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại cho chủ xe **80%** phí bảo hiểm của thời gian hủy bỏ, trừ trường hợp trong thời hạn hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực đã xảy ra sự kiện bảo hiểm liên quan đến chiếc xe yêu cầu hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm không phải hoàn phí bảo hiểm.

Điều 7. Trách nhiệm của chủ xe cơ giới, lái xe cơ giới.

1. Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ xe cơ giới phải thông báo đầy đủ và trung thực những nội dung đã được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm ban hành kèm theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Khi tai nạn giao thông xảy ra, chủ xe cơ giới và/hoặc lái xe cơ giới phải có trách nhiệm:

2.1. Tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn, đồng thời báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm để phối hợp giải quyết và thông báo cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất;

2.2. Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn (trừ khi có lý do chính đáng), chủ xe cơ giới phải gửi cho doanh nghiệp bảo hiểm thông báo tai nạn theo quy định tại *Phụ lục 2: Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường* ban hành kèm theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính);

2.3. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của doanh nghiệp bảo hiểm, trừ trường hợp làm như vậy là cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

2.4. Bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho doanh nghiệp bảo hiểm trong phạm vi số tiền mà doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường kèm theo toàn bộ chứng từ cần thiết có liên quan.

3. Chủ xe cơ giới và/hoặc lái xe cơ giới phải trung thực trong việc thu thập và cung cấp các tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình xác minh các tài liệu, chứng từ đó.

4. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng xe, theo quy định tại Biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, chủ xe cơ giới phải thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm biết để điều chỉnh lại phí bảo hiểm cho phù hợp.

Chủ xe cơ giới và/hoặc lái xe cơ giới không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trên thì doanh nghiệp bảo hiểm có thể từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường tương ứng với thiệt hại do lỗi của chủ xe cơ giới và/hoặc lái xe cơ giới gây ra.

Điều 8. Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm

1. Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để chủ xe cơ giới tham gia bảo hiểm.

2. Cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm và giải thích rõ Quy tắc bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới ban hành theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho chủ xe cơ giới.

3. Khi xảy ra tai nạn, doanh nghiệp bảo hiểm phải phối hợp chặt chẽ với chủ xe cơ giới và/hoặc lái xe cơ giới và các cơ quan chức năng ngay từ đầu để giải quyết tai nạn. Trường hợp cần thiết, doanh nghiệp bảo hiểm phải tạm ứng ngay những chi phí cần thiết và hợp lý trong phạm vi trách nhiệm bảo hiểm nhằm khắc phục hậu quả tai nạn.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương và các bên liên quan để thu thập các giấy tờ cần thiết có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại của vụ tai nạn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.

5. Trong trường hợp xe gây tai nạn đã được bảo hiểm, chủ xe cơ giới chết, doanh nghiệp bảo hiểm phải thay mặt chủ xe bồi thường trực tiếp cho bên thứ ba theo phạm vi và trách nhiệm bảo hiểm quy định tại Quy tắc bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Khi nhận hồ sơ bồi thường đầy đủ và hợp lệ, doanh nghiệp bảo hiểm phải tiến hành giải quyết bồi thường trong thời hạn giải quyết bồi thường quy định tại Điều 13 dưới đây.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 9. Trách nhiệm bảo hiểm

Trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm thanh toán cho chủ xe cơ giới số tiền mà chủ xe cơ giới phải bồi thường cho bên thứ ba và hành khách do việc sử dụng xe cơ giới gây ra. Mức bồi thường cụ thể :

1. Đối với thiệt hại về người:

1.1. Mức bồi thường được xác định căn cứ theo quyết định của Tòa án;

1.2. Trường hợp không có quyết định của tòa án, mức bồi thường được xác định dựa trên Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người theo Quy định tại *Phụ lục số 3- Bảng quy định trả tiền bồi thường về người* ban hành kèm theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

1.3. Trường hợp chủ xe cơ giới tham gia nhiều hợp đồng bảo hiểm cho cùng một xe cơ giới thì mức bồi thường thiệt hại về người sẽ là tổng mức bồi thường thiệt hại về người của từng hợp đồng bảo hiểm. Tổng mức bồi thường của các hợp đồng không được vượt quá số tiền thực tế chủ xe phải bồi thường cho nạn nhân và được chia đều cho các hợp đồng bảo hiểm.

2. Đối với thiệt hại về tài sản:

2.1. Mức bồi thường được xác định theo thiệt hại thực tế và theo mức độ lỗi của chủ xe cơ giới;

2.2. Trường hợp chủ xe cơ giới tham gia nhiều hợp đồng bảo hiểm cho cùng một xe cơ giới thì số tiền bồi thường chỉ được tính trên một hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm cấp hợp đồng bảo hiểm đầu tiên có trách nhiệm giải quyết bồi thường và thu hồi số tiền bồi thường chia đều cho các hợp đồng bảo hiểm.

3. Chi phí cần thiết và hợp lý nhằm ngăn ngừa, hạn chế tổn thất liên quan tới vụ tai nạn mà chủ xe cơ giới đã chỉ ra.

Điều 10. Giám định tổn thất

Mọi tổn thất về tài sản thuộc trách nhiệm bảo hiểm sẽ do doanh nghiệp bảo hiểm tiến hành giám định thiệt hại hoặc thuê công ty giám định (trừ trường hợp có thỏa thuận khác) với sự chứng kiến của chủ xe cơ giới, bên thứ ba hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do tai nạn gây ra.

Trường hợp chủ xe cơ giới không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do doanh nghiệp bảo hiểm xác định, hai bên sẽ thỏa thuận chọn giám định viên kỹ thuật chuyên nghiệp thực hiện việc giám định. Kết luận của giám định viên kỹ thuật chuyên nghiệp là căn cứ để xác định thiệt hại. Trường hợp kết luận của giám định viên kỹ thuật chuyên nghiệp khác với kết luận của giám định viên bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải chịu chi phí giám định. Trường hợp kết luận của giám định viên kỹ thuật chuyên nghiệp trùng với kết luận của giám định viên bảo hiểm, chủ xe cơ giới phải chịu chi phí giám định.

Trong trường hợp đặc biệt, nếu doanh nghiệp bảo hiểm không thể thực hiện được việc lập biên bản giám định, thì có thể căn cứ vào các biên bản, kết luận của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và các hiện vật thu được (ảnh chụp, lời khai của các bên có liên quan) để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại.

Điều 11. Loại trừ bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe và/hoặc lái xe, hoặc của người bị thiệt hại;

2. Lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe và/hoặc lái xe cơ giới;

3. Lái xe không có Giấy phép lái xe hợp lệ đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe;

4. Thiệt hại có tính chất gây ra hậu quả gián tiếp như: Giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại;

5. Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn;

6. Chiến tranh và các nguyên nhân tương tự như chiến tranh;

7. Thiệt hại với các tài sản đặc biệt bao gồm: vàng bạc, đá quý, tiền, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.

Điều 12. Hồ sơ yêu cầu bồi thường

Hồ sơ yêu cầu bồi thường bao gồm các tài liệu sau:

1. Các tài liệu chủ xe cơ giới có trách nhiệm thu thập và cung cấp:

1.1. Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường theo quy định tại *Phụ lục 2- Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường* ban hành kèm theo Quyết định số 23/2007/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

1.2. Hồ sơ liên quan đến xe và lái xe;

1.3. Các giấy tờ chứng minh thiệt hại về người như Giấy chứng thương của nạn nhân, Giấy ra viện, Giấy chứng nhận phẫu thuật, Giấy chứng tử của nạn nhân;

1.4. Các giấy tờ chứng minh thiệt hại tài sản như hóa đơn sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại do tai nạn; các giấy tờ chứng minh các chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm.

2. Các tài liệu doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm thu thập:

2.1. Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh;

2.2. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn;

2.3. Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn giao thông;

2.4. Trong trường hợp không thể thu thập đầy đủ các tài liệu nêu trên, việc bồi thường sẽ căn cứ vào Biên bản giám định của doanh nghiệp bảo hiểm hoặc kết luận của giám định viên kỹ thuật chuyên nghiệp theo quy định tại Điều 10 của Quy tắc bảo hiểm này.

3. Các tài liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải là bản chính. Trong trường hợp không thể có bản chính, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm xác minh, đối chiếu với bản chính.

Chương III GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 13. Thời hạn yêu cầu, thanh toán và khiếu nại bồi thường

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường của chủ xe cơ giới: Một (01) năm kể từ ngày xảy ra tai nạn, trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan và bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn thanh toán bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm: Mười lăm (15) ngày kể từ khi nhận được hồ sơ bồi thường đầy đủ và hợp lệ và không quá ba mươi (30) ngày trong trường hợp phải tiến hành xác minh hồ sơ.

Trường hợp từ chối bồi thường, doanh nghiệp bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho chủ xe cơ giới biết lý do từ chối bồi thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm.

3. Thời hiệu khởi kiện về việc bồi thường bảo hiểm: Ba (03) năm kể từ ngày doanh nghiệp bảo hiểm thanh toán bồi thường hoặc từ chối bồi thường. Quá thời hạn trên, mọi khiếu nại không còn giá trị.

4. Trường hợp người thứ ba hoặc hành khách vận chuyển theo hợp đồng bị thiệt hại về người và tài sản do xe cơ giới đã tham gia bảo hiểm gây ra khiếu nại trực tiếp đòi doanh nghiệp bảo hiểm đó bồi thường, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm liên hệ với chủ xe cơ giới để giải quyết bồi thường theo đúng các quy định tại Quy tắc này.

Điều 14. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên liên quan sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

Phần II
BẢO HIỂM TAI NẠN CON NGƯỜI
THEO CHỖ NGỒI TRÊN MÔ TÔ - XE MÁY

Điều 1. Đối tượng bảo hiểm

1. Đối tượng bảo hiểm là những người đi trên mô tô - xe máy bao gồm người điều khiển và người khác ngồi trên xe (dưới đây gọi là người được bảo hiểm).
2. Người khác ngồi trên mô tô - xe máy là người được chủ xe hoặc người điều khiển mô tô - xe máy đó cho phép ngồi trên xe.

Điều 2. Phạm vi bảo hiểm

Thiệt hại thân thể đối với người được bảo hiểm do tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe, qua phà, qua đò, qua cầu hoặc trong quá trình xe đang tham gia giao thông trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Loại trừ bảo hiểm

MIC không chịu trách nhiệm bồi thường đối với những thiệt hại về thân thể của người được bảo hiểm trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý tự gây tai nạn của người được bảo hiểm.
2. Người được bảo hiểm tham gia đánh nhau, trừ khi được xác nhận đó là hành động tự vệ.
3. Người được bảo hiểm điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hợp lệ đối với các loại xe bắt buộc phải có Giấy phép lái xe, có nồng độ cồn, rượu, bia vượt quá quy định của pháp luật hoặc có các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.
4. Sử dụng mô tô - xe máy để đua xe (hợp pháp hay trái phép).
5. Người được bảo hiểm bị cảm đột ngột, trúng gió, bệnh tật.
6. Người được bảo hiểm bị ngộ độc thức ăn, đồ uống và sử dụng thuốc không theo chỉ dẫn của bác sĩ.
7. Chiến tranh, khủng bố và các nguyên nhân tương tự.

Điều 4. Hợp đồng bảo hiểm

Khi chủ xe tham gia bảo hiểm, MIC cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm cho từng xe. Phần bảo hiểm tai nạn theo chỗ ngồi trên mô tô - xe máy được cấp cùng với bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe trên cùng một Giấy chứng nhận bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm là một hình thức của hợp đồng bảo hiểm và là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm giữa chủ xe và MIC. Việc sửa đổi, bổ sung số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm và thời hạn bảo hiểm chỉ có hiệu lực khi MIC chấp thuận và cấp đổi Giấy chứng nhận bảo hiểm mới thay thế Giấy chứng nhận bảo hiểm cũ.

Điều 5. Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm

Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm được quy định tại Biểu phí ban hành kèm theo Quyết định số 110/2007/QĐ-MIC của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội.

Điều 6. Hiệu lực bảo hiểm

1. Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc theo quy định ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

2. MIC chỉ cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm khi chủ xe đã đóng đủ phí bảo hiểm (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản).

3. Trong thời hạn còn hiệu lực ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe mà chủ xe không có yêu cầu hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm thì mọi quyền lợi bảo hiểm liên quan đến trách nhiệm dân sự của chủ xe vẫn còn hiệu lực đối với chủ xe mới.

Trường hợp chủ xe cũ không chuyển quyền lợi bảo hiểm cho chủ xe mới thì MIC sẽ hoàn phí bảo hiểm cho chủ xe cũ theo Điều 7 dưới đây và cấp lại Giấy chứng nhận bảo hiểm cho chủ xe mới (nếu chủ xe mới có yêu cầu bảo hiểm).

Điều 7. Hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm

Trường hợp có yêu cầu hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm, người được bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho MIC biết trước mười lăm (15) ngày. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo hủy bỏ, nếu MIC không có ý kiến thì hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên được hủy bỏ, MIC phải hoàn lại cho chủ xe 80% phí bảo hiểm của thời gian hủy bỏ, trừ trường hợp trong thời hạn hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực đã xảy ra sự kiện bảo hiểm liên quan đến chiếc xe yêu cầu hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm, MIC không phải hoàn phí bảo hiểm.

Điều 8. Thông báo tai nạn

1. Khi tai nạn xảy ra, chủ xe hoặc người được bảo hiểm phải tìm mọi cách cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tai nạn, đồng thời báo ngay cho cơ quan công an, MIC hoặc đại diện của MIC nơi gần nhất để phối hợp giải quyết. Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn (trừ khi có lý do chính đáng), chủ xe phải gửi cho MIC thông báo tai nạn theo mẫu quy định của MIC.

2. Bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho MIC trong phạm vi số tiền mà MIC đã bồi thường kèm theo toàn bộ chứng từ cần thiết có liên quan.

Điều 9. Quyền lợi của người được bảo hiểm

1. Trường hợp người được bảo hiểm bị chết do tai nạn thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, MIC trả toàn bộ số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.

2. Trường hợp người được bảo hiểm bị thương tật thân thể, MIC sẽ trả tiền bảo hiểm theo quy định tại “*Bảng tỷ lệ bồi thường thương tật*” ban hành theo Quyết định số 12/2007/QĐ-MIC ngày 19 tháng 10 năm 2007 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội.

3. Nếu tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người thực tế đi trên xe (không bao gồm trẻ em dưới bảy (07) tuổi lớn hơn số người được bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm thì mức trả tiền bảo hiểm của MIC sẽ giảm theo tỉ lệ giữa số người được bảo hiểm và số người thực tế trên xe.

4. Trẻ em dưới bảy (07) tuổi được hưởng đầy đủ quyền lợi bảo hiểm theo nguyên tắc trả tiền bảo hiểm được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 10. Hồ sơ yêu cầu bồi thường

1. Hồ sơ yêu cầu bồi thường bao gồm các tài liệu, chứng từ sau:

1.1. Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường theo mẫu quy định của MIC;

1.2. Hồ sơ liên quan đến xe và lái xe như: Bản sao Giấy chứng nhận bảo hiểm, Giấy phép lái xe, Giấy chứng nhận đăng ký xe;

1.3. Các chứng từ xác định thương tích của nạn nhân như: Giấy chứng thương của nạn nhân, Giấy ra viện, Giấy chứng nhận phẫu thuật, Giấy chứng tử của nạn nhân;

1.4. Các biên bản, tài liệu xác định trách nhiệm của người thứ ba (nếu có);

1.5. Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh;

1.6. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn;

1.7. Biên bản kết luận điều tra tai nạn của công an;

1.8. Biên bản giải quyết tai nạn giao thông.

Trong trường hợp không thể thu thập đầy đủ các tài liệu nêu trên, việc bồi thường sẽ căn cứ vào Biên bản giám định của MIC hoặc kết luận của giám định viên kỹ thuật chuyên nghiệp theo quy định tại Điều 10 Chương II của Quy tắc này.

3. Các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải là bản chính. Trong trường hợp không thể có bản chính, MIC có trách nhiệm xác minh, đối chiếu với bản chính.

Điều 11. Thời hạn yêu cầu, thanh toán và khiếu nại bồi thường

1. Thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm của chủ xe hoặc người được bảo hiểm: một (01) năm kể từ ngày xảy ra tai nạn, trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan và bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn trả tiền bảo hiểm của MIC: Mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ, và không quá ba mươi (30) ngày trong trường hợp phải tiến hành xác minh hồ sơ.

Trường hợp từ chối trả tiền bảo hiểm, MIC phải thông báo bằng văn bản cho chủ xe hoặc người được bảo hiểm biết lý do từ chối trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm.

3. Thời hiệu khởi kiện về việc trả tiền bảo hiểm: Ba (03) năm kể từ ngày MIC trả tiền bảo hiểm hoặc từ chối trả tiền. Quá thời hạn trên, mọi khiếu nại không còn giá trị.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên liên quan sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết./.

